TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2020
V/v: "Ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên.
Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh ngày 16/3/1990.
HKTT: Khu dân cư Kh, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khu 6, phường Đạ, thành phố H, tỉnh Q.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 19/8/1981.
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Kha, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.
(chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai chị Hoàng Thị L trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương vào ngày 09 tháng 6 năm 2015. Trước khi kết hôn chị và anh Tr đã quen nhau và chung sống với nhau khi cả hai đang lao động tại Hàn Quốc từ năm 2010, đến năm 2011 chị và anh Tr về Việt Nam để tổ chức đám cưới vì thời điểm đó chị đã mang bầu cháu Nguyễn Thị Hà V. Do anh Tr chỉ về phép được thời gian ngắn nên sau khi tổ chức đám cưới anh Tr lại sang Hàn Quốc tiếp tục lao động. Đến năm 2015 chị và anh Tr mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm sống với nhau. Anh Tr đi Nhật Bản lao động từ năm 2019 đến nay vẫn chưa về nước, Anh Tr rất ít khi liên lạc về gia đình khiến tình cảm vợ chồng xa cách, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị xác định cuộc sống giữa chị và anh Tr không có hạnh phúc, đã từ lâu không ai quan tâm đến ai vì cả hai không còn tình cảm với nhau. Do vậy, chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn anh Tr để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 12/01/2012. Hiện nay cháu V đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V. Công việc của chị hiện nay là buôn bán mỹ phẩm với mức thu nhập 07 triệu/tháng đủ điều kiện để nuôi cháu V. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn Tr tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị D là bố mẹ của anh Nguyễn Văn Tr, ông Th, bà D xác nhận anh Trường vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu ông Th, bà D cung cấp địa chỉ của anh Tr ở Nhật Bản và yêu cầu anh Tr gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, nhưng ông Th, bà D không cung cấp được địa chỉ của anh Tr, anh Tr cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Th, bà D, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Th, bà D xác định đã thông tin cho anh Tr biết, anh Tr có quan điểm nhất trí ly hôn với chị L và nhất trí giao con cho chị L nuôi, về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 BLTTDS nên KSV đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy, VKS không có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Tr lao động tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án hai lần yêu cầu gia đình anh Tr cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tr vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Tr.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn Tr được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2015 tại UBND xã C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (Nay là phường C, thành phố C) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr. Về phía anh Tr cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của chị L. Anh Tr cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị L và anh Tr không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng nên cần giải quyết cho chị L được ly hôn anh Tr theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù

hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị L và anh Tr có 01 con chung là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 12/01/2012. Do cháu V còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị L tuy là lao động tự do nhưng thu nhập ổn định đủ đảm bảo nuôi con; anh Tr không ở Việt Nam nên không thể chăm sóc con. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị L không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 12/01/2012 cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Tr được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị Liên đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0002773 ngày 02/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Liên đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Khánh Thiện